

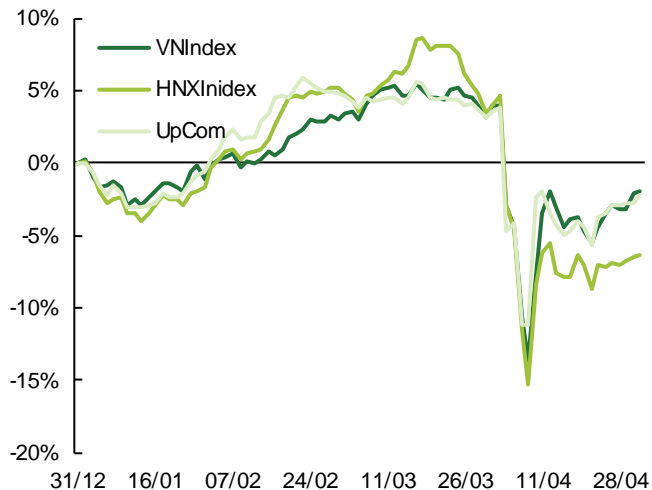
VN-Index **1241.95 (0.15%)**
 826 Tr. cổ phiếu 17636.8 Tỷ VND (22.44%)

HNX-Index **212.89 (0.04%)**
 68 Tr. cổ phiếu 1053.3 Tỷ VND (44.42%)

UPCOM-Index **92.94 (0.61%)**
 51 Tr. cổ phiếu 560.3 Tỷ VND (-23.18%)

VN30F1M **1317.50 (0.08%)**
 170,591 HD OI: 44,114 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Thị trường mở cửa nối tiếp đà phản khởi nhưng lực cung đã chi phối trở lại vào phiên chiều khiến chỉ số gần như xóa bỏ đà tăng lúc sáng và đóng cửa cận mức tham chiếu. **Tâm lý thận trọng gia tăng khi ngày 07/05 tới đây Việt Nam sẽ tiến hành vòng đàm phán đầu tiên với Hoa Kỳ về thuế quan.** Thị trường quốc tế cũng giao dịch lưỡng lự khi sự không chắc chắn vẫn tiếp diễn sau khi ông Trump cho biết không có kế hoạch nói chuyện với Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình trong tuần này. **Sự chú ý của thị trường hiện chuyển sang cuộc họp chính sách kéo dài hai ngày của Fed,** để có thêm manh mối về lãi suất cũng như triển vọng kinh tế.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Thanh khoản gia tăng so với phiên trước nhưng vẫn thấp hơn bình quân 20 phiên. Độ rộng thị trường nghiêng về phe mua, song đã giảm bớt so với lúc sáng. **Dòng tiền vẫn luân chuyển tốt ở nhóm Mid-cap nhưng bắt đầu có sự phân hóa nhiều hơn vào các cổ phiếu dẫn đầu.** Chiều tăng nổi bật ghi nhận ở nhóm Viễn thông, Dầu khí, Dược phẩm, Công nghệ, trong khi nhóm Thực phẩm - Đồ uống, Vận tải - Cảng, Thép, điều chỉnh giảm. Về mặt điểm số, đóng vai trò động lực là lực kéo từ GAS, TCB, VPB trong khi GVR, HPG, BCM kìm hãm. Khối ngoại tiếp tục có phiên mua ròng nhẹ 73,6 tỷ đồng, tập trung ở VRE, NVL, VCI.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** đóng cửa với mẫu hình nến sao băng (shooting star) cho thấy áp lực chốt lời hiện hữu. Dù vậy, khớp lệnh không quá lớn để xác nhận đảo chiều xu hướng. Các chỉ báo cũng chưa biến động quá mạnh mà vẫn giữ thế cân bằng. Tín hiệu rung lắc trong quá trình đi lên là phù hợp về mặt kỹ thuật. **Vận động khả năng sẽ được củng cố lại quanh khu vực 1230 – 1240 điểm trong các phiên tới.** Ở chiều nâng đỡ, hỗ trợ gần bên dưới được nâng lên ngưỡng 1215 điểm nhằm bảo toàn xu thế vận động. Trong khi kháng cự hướng tới cho nhịp hồi là mốc 1260 - 1270 điểm.
- **Đối với HNX-Index,** nỗ lực bứt phá ngưỡng 215 vẫn gặp khó khăn với bóng nến phía trên dài cho thấy cung bán tiếp tục chi phối ở vùng giá cao. Giao dịch có lẽ cần tích lũy thêm quanh ngưỡng 210 điểm.
- **Chiến lược chung:** Nắm giữ, chờ chốt lời một phần với những Mid-cap có hiệu suất tốt. Tỷ trọng chung được kiểm soát ở mức trung bình để tránh biến động bất ngờ từ vĩ mô. Các nhóm ưu tiên chú ý là Đầu tư công, Bất động sản, Ngân Hàng, Tiện ích.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua REE (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,242.0	0.2%	1.3%	2.6%	17,636.8	25.52%	13.7%	-58.2%	825.8	32.3%	29.5%	-56.3%
HNX-Index	212.9	0.0%	0.4%	-1.9%	1,053.3	44.4%	36.4%	-43.9%	68.2	55.4%	41.3%	-47.4%
UPCOM-Index	92.9	0.6%	0.6%	2.0%	560.3	-23.2%	4.3%	-50.5%	51.4	-12.7%	41.9%	-50.2%
VN30	1,319.7	-0.1%	0.8%	3.1%	8,442.8	33.1%	-7.9%	-65.8%	293.7	34.2%	-1.4%	-67.5%
VNMID	1,788.9	-0.2%	1.9%	2.6%	6,729.9	16.6%	54.1%	-51.5%	320.3	17.8%	52.6%	-55.0%
VNSML	1,364.3	0.1%	1.4%	3.6%	1,584.1	6.2%	9.9%	-34.3%	100.3	41.1%	11.0%	-48.5%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	495.2	0.1%	0.2%	-0.9%	4,607.8	47.9%	219.8%	-1.6%	224.2	39.7%	213.2%	-3.8%
Bất động sản	329.7	0.2%	3.4%	13.0%	3,604.2	52.1%	204.3%	9.8%	171.2	65.9%	235.2%	24.6%
Dịch vụ tài chính	239.6	-0.1%	0.8%	-2.3%	1,976.4	34.5%	253.6%	-7.2%	110.8	25.9%	229.2%	-9.6%
Công nghiệp	191.7	-0.5%	3.4%	14.8%	1,466.0	-3.2%	167.8%	59.0%	45.5	0.8%	174.3%	52.0%
Tài nguyên cơ bản	427.3	-0.9%	0.7%	3.7%	778.9	20.8%	158.0%	-9.6%	40.5	5.8%	153.3%	-9.7%
Xây dựng - Vật Liệu	153.0	-1.0%	2.1%	4.7%	794.3	5.4%	197.3%	6.4%	41.5	17.4%	224.8%	9.4%
Thực phẩm	472.9	-0.2%	-1.0%	4.8%	1,301.1	34.7%	160.8%	11.2%	46.6	57.2%	225.0%	28.0%
Bán Lẻ	1,151.5	-0.5%	1.1%	15.7%	353.1	-23.5%	46.3%	-35.1%	6.3	-11.1%	72.5%	-34.6%
Công nghệ	498.0	1.2%	-0.6%	-3.7%	822.8	-4.1%	161.3%	-6.8%	9.9	2.9%	191.4%	-1.7%
Hóa chất	150.7	-1.3%	4.5%	-1.9%	544.3	-34.3%	127.7%	8.8%	17.7	-25.8%	150.6%	11.7%
Tiện ích	614.2	0.8%	1.5%	3.5%	369.3	-20.6%	153.9%	45.1%	18.5	-32.4%	111.8%	35.4%
Dầu khí	55.2	1.7%	-0.4%	-4.9%	242.3	73.1%	419.7%	74.2%	12.3	61.3%	387.9%	67.7%
Dược phẩm	397.8	1.4%	2.2%	6.5%	38.4	-19.2%	114.3%	-7.5%	2.2	-11.8%	135.1%	-30.6%
Bảo hiểm	79.1	2.2%	0.2%	3.0%	67.4	227.2%	687.4%	98.6%	1.9	214.9%	630.8%	105.8%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,242.0	0.2%	-2.0%	12.5x	1.5x
SET-Index	Thái Lan	1,188	-0.9%	-15.2%	15.8x	1.1x
JCI-Index	Indonesia	6,898	1.0%	-2.6%	15.0x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,413	-0.2%	-9.3%	14.6x	1.3x
PSEI Index	Phillipines	6,419	0.9%	-1.7%	11.4x	1.4x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,316	1.1%	-1.1%	12.8x	1.3x
Hang Seng	Hồng Kông	22,663	0.7%	13.0%	11.4x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	36,831	0.0%	-7.7%	18.3x	1.9x
S&P 500	Mỹ	5,650	0.0%	-3.9%	24.2x	4.9x
Dow Jones	Mỹ	41,219	0.0%	-3.1%	22.9x	5.4x
FTSE 100	Anh	8,581	-0.2%	5.0%	12.7x	1.9x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,238	-0.8%	7.0%	15.4x	2.1x
DXY		100	-0.3%	-8.1%		
USDVND		25,970	0.0%	1.9%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

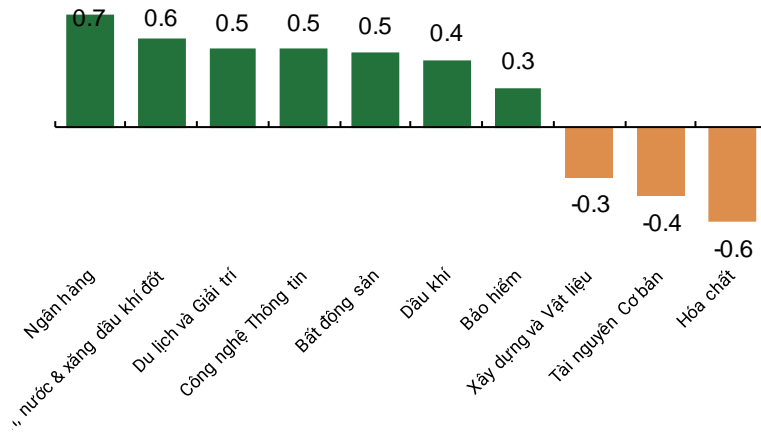
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	%YTD	%YoY
Dầu Brent	2.6%	-5.8%	-17.2%	-25.9%
Dầu WTI	0.6%	-5.4%	-18.2%	-25.3%
Khí gas	-0.6%	-5.9%	-0.7%	64.4%
Than cốc (*)	0.0%	3.8%	-15.5%	-34.3%
Thép HRC (*)	0.1%	-2.5%	-4.9%	-13.9%
PVC (*)	0.0%	-2.3%	-3.4%	-13.0%
Phân Urea (*)	-2.4%	-0.7%	3.0%	25.5%
Cao su thiên nhiên	2.6%	-4.9%	-12.6%	6.7%
Bông Cotton	0.2%	11.0%	2.9%	-8.1%
Đường	2.1%	-6.8%	-8.8%	-9.9%
World Container Index	-3.1%	-5.3%	-45.0%	-23.3%
Baltic Dirty tanker Index	-3.7%	-2.4%	17.0%	-3.3%
Vàng	4.2%	11.2%	28.7%	45.3%
Bạc	3.0%	11.5%	14.1%	20.2%

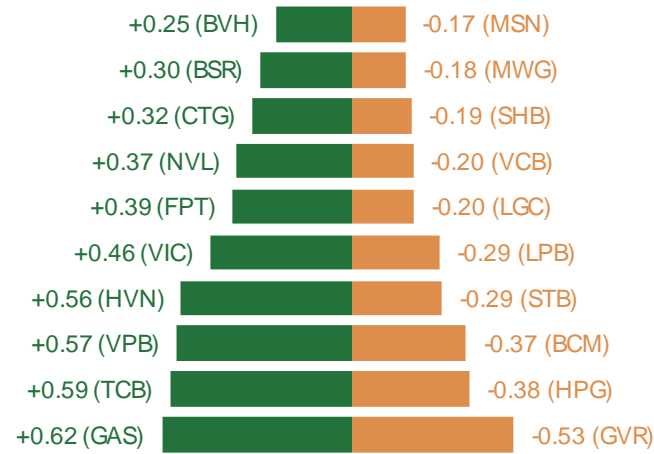
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

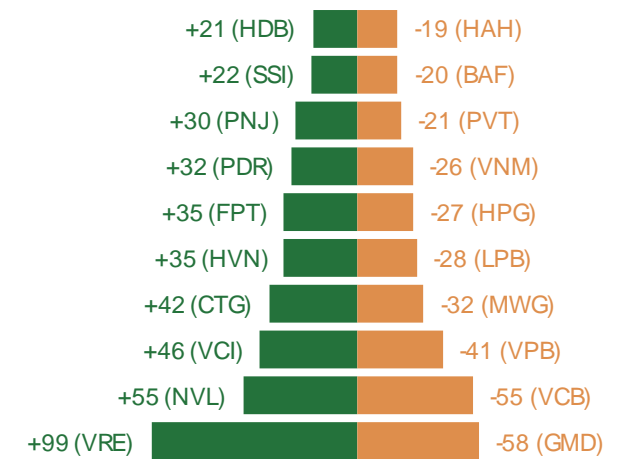


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

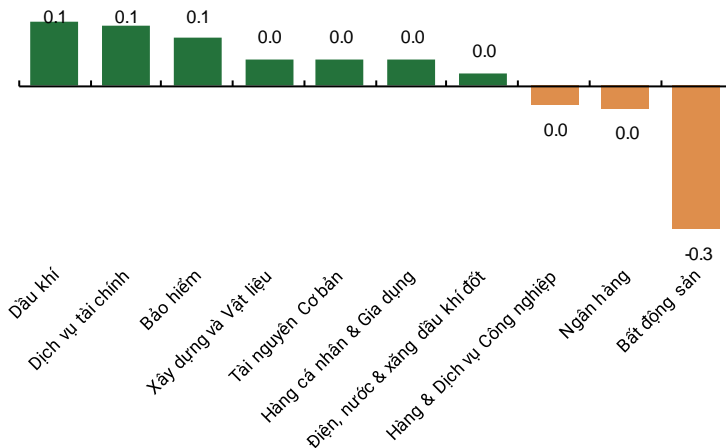


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

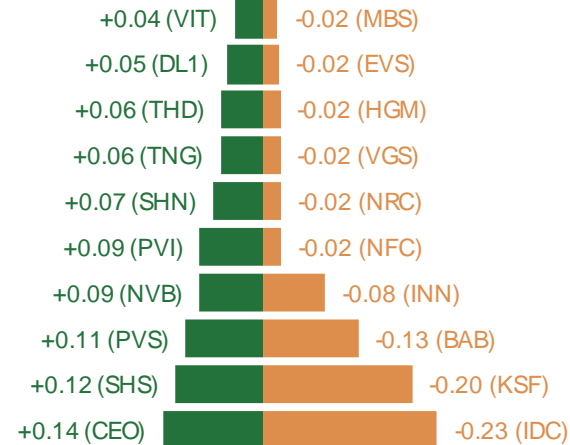
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



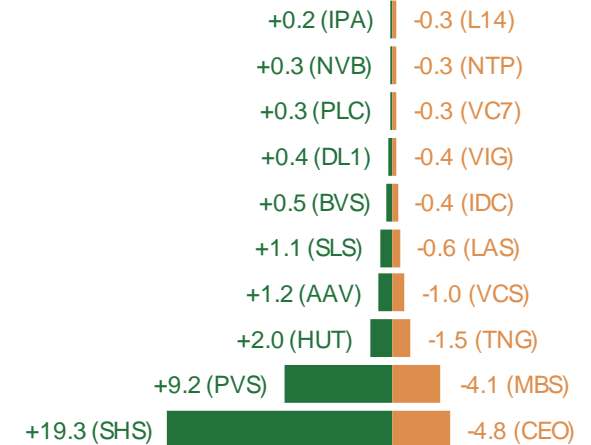
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



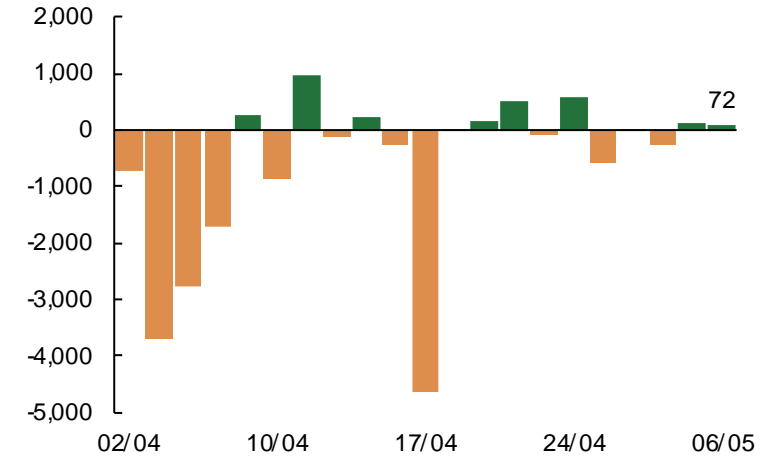
	SHB	TCB	FPT	HPG	MBB
%DoD	-1.6%	1.3%	1.0%	-1.0%	0.0%
Giá trị	684	656	626	539	538

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VHM	GEX	STB	FPT	VRE
%DoD	0.0%	0.9%	-1.6%	1.0%	0.0%
Giá trị	358	265	150	116	115

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



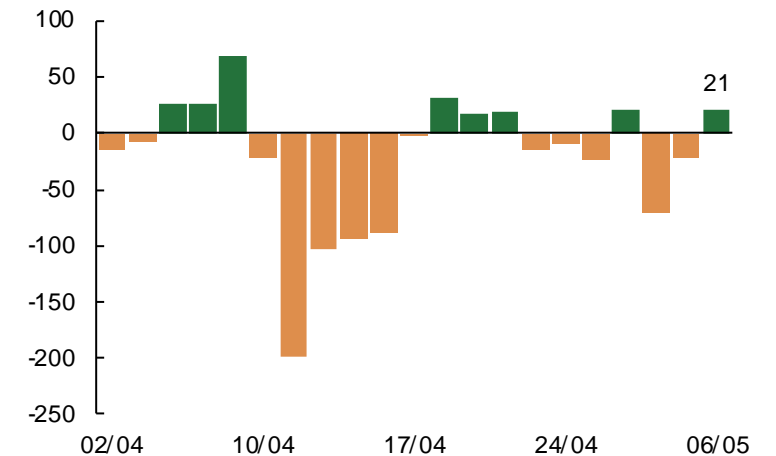
	SHS	CEO	PVS	MBS	IDC
%DoD	0.8%	1.6%	1.2%	-0.4%	-2.1%
Giá trị	211	128	104	94	86

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	MAC	VC3	EVS	DL1	CKV
%DoD	-4.4%	-0.4%	-1.8%	6.3%	0.0%
Giá trị	13	6	6	3	3

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến sao băng (shooting star).
- ✓ Hỗ trợ: 1190 - 1220.
- ✓ Kháng cự: 1260 – 1280.
- ✓ Xu hướng: Tiếp đà phục hồi.

Kịch bản: Áp lực chốt lời trong quá trình đi lên hợp lý về mặt kỹ thuật. Vol gia tăng so với phiên trước nhưng chưa đủ lớn để xác nhận đảo chiều. **Vận động khả năng sẽ được củng cố lại quanh khu vực 1230 – 1240 điểm.** Mục tiêu cao hơn trong sóng phục hồi vẫn hướng về khu vực 1260 – 1280 điểm. Hỗ trợ được nâng lên ngưỡng 1190 điểm nhằm bảo toàn xu thế vận động.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến sao băng (shooting star).
- ✓ Hỗ trợ: 1300.
- ✓ Kháng cự: 1330 - 1350.
- ✓ Xu hướng: Tiếp đà phục hồi.

➔ Nỗ lực bứt phá lên trên ngưỡng MA200 (ứng với mốc 1320 điểm) vẫn chưa thành công. **Chỉ số có lẽ cần củng cố thêm quanh khu vực này để tạo thêm đà,** khi mà kháng cự quanh 1330 – 1350 còn khá mạnh để có thể xuyên thủng được ngay. Giao dịch khả năng nghiêng về rung lắc đi ngang các phiên tới.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	REE	BUY	Current price	69.7	P/E (x)	16.4		
Exchange	HOSE		Action price (7/5)	69.7	P/B (x)	1.8		
Sector	Utilities		Target price	77	10.5%	EPS	4237.2	
			Cut loss	66	-5.3%	ROE	11.0%	
					Stock Rating	BB		
					Scale Market Cap	Medium		



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt khu vực MA50-ngày. “Gap” giảm trước đó khả năng được lấp.
- Chỉ báo RSI cải thiện lên trên mức 50 và duy trì đà đi lên. Bên cạnh MACD cũng đang trở lại miền dương.
- ➔ Xu hướng ủng hộ việc kiểm định lại đỉnh cũ.
- ➔ KN mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN

- ✓ Ngành tiện ích được xem là ngành phòng thủ tốt giữa lúc thị trường còn bất ổn.
- ✓ Mảng năng lượng là động lực tăng trưởng chính kỳ vọng hưởng lợi từ pha thời tiết La-nina.
- ✓ Mảng M&E phục hồi với backlog tích cực từ sân bay Long Thành.
- ✓ Mảng kinh doanh bất động sản tăng trưởng nhờ việc vận hành toà nhà văn phòng Etown 6 và dự án The Light Square bắt đầu được bàn giao.
- ✓ KQKD Q1/2025 tích cực: Doanh thu đạt 2.068,36 tỷ đồng tăng 12,57%. Sau khi khấu trừ chi phí, lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp đạt 611,4 tỷ đồng tăng 27,25% so với cùng kỳ.

Rủi ro:

- Rủi ro thị trường chung khi căng thẳng thương mại diễn biến phức tạp.
- Pha thời tiết có thể thay đổi so với kỳ vọng làm giảm sản lượng điện.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	REE	Mua	07/05/2025	69.70	69.70	0.0%	77.0	10.5%	66	-5.3%	Kiểm định tốt hỗ trợ

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	MSN	Nắm giữ	05/05/2025	62.00	53.80	15.2%	66	22.7%	59	9.7%	Nâng giá mục tiêu 66, chặn dưới 59
2	BMP	Nắm giữ	24/04/2025	144.00	128.80	11.8%	150	16.5%	132	2.5%	Chờ chốt lời, chặn dưới 132
3	VCG	Mua	24/04/2025	21.45	21.65	-0.9%	24.5	13.2%	20	-8%	
4	DPG	Mua	28/04/2025	51.10	50.8	0.6%	60	18.1%	47	-7%	
5	DBC	Mua	06/05/2025	27.55	28.1	-2.0%	31	10.3%	26.5	-6%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Ở đồ thị 1 giờ, VN30F2505 duy trì đà tăng khi mở cửa và tiến về các mốc cao hơn. Dù vậy, lực cung chiếm ưu thế trở lại trong phiên chiều đẩy giá trượt dốc sau đó và đóng cửa cận mức tham chiếu, gần như xóa bỏ toàn bộ đà tăng.
- Cụm hai nền Sao băng và Marubozu cho thấy áp lực điều chỉnh chi phối. Giá khả năng sẽ quay lại kiểm định hộp tích lũy 1306 – 1312. Tuy nhiên, xu hướng vẫn đang ủng hộ chiều đi lên, nên nhịp điều chỉnh có thể mang tính kỹ thuật.
- Vị thế Long tham gia khi nhịp điều chỉnh kiểm định tốt khu vực quanh 1310 điểm. Vị thế Short cân nhắc khi mức thoái lui xóa bỏ nền giá tích lũy trước đó, ứng với khu vực 1304 điểm.

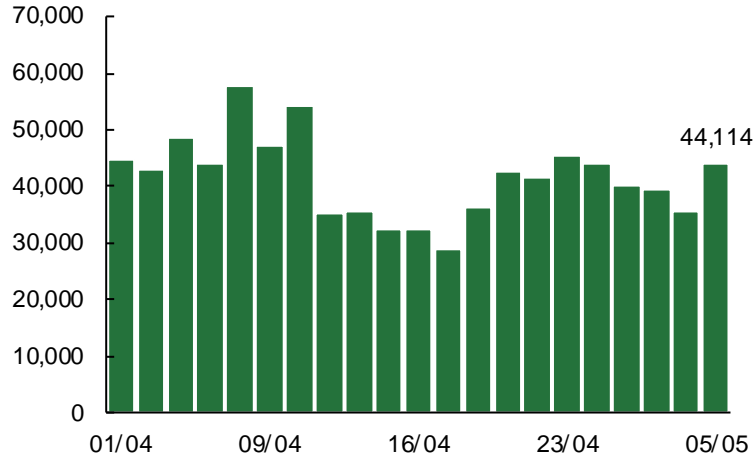
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	1310	1320	1305	10 : 5
Short	<1304	1294	1309	10 : 5

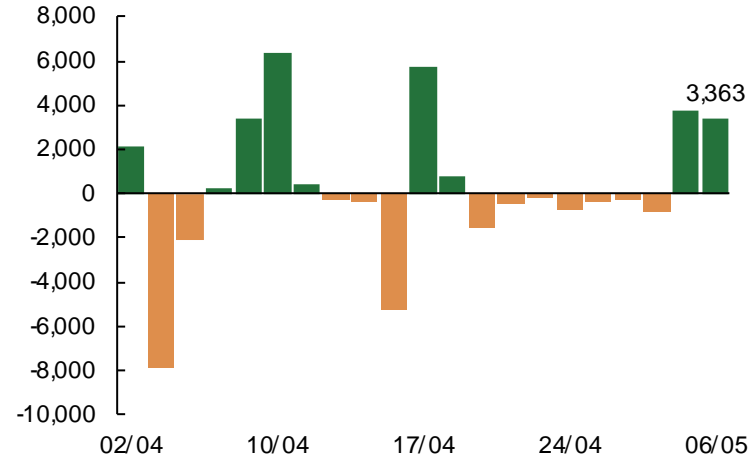
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
VN30 Index	1,319.7	-0.8						
VN30F2505	1,317.5	1.1	170,591	44,114	1,319.9	-2.4	15/05/2025	9
VN30F2506	1,317.0	0.1	395	1,330	1,321.0	-4.0	19/06/2025	44
VN30F2509	1,317.1	-3.5	218	546	1,323.9	-6.8	18/09/2025	135
VN30F2512	1,317.3	-1.6	64	147	1,326.7	-9.4	18/12/2025	226

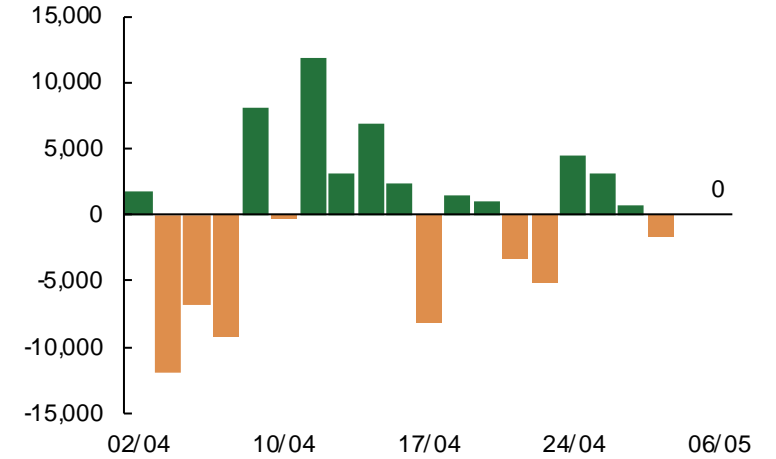
Khối lượng mở (Open interest)



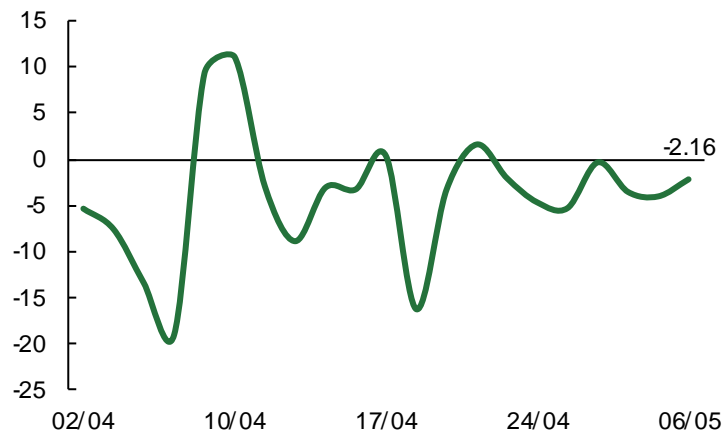
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



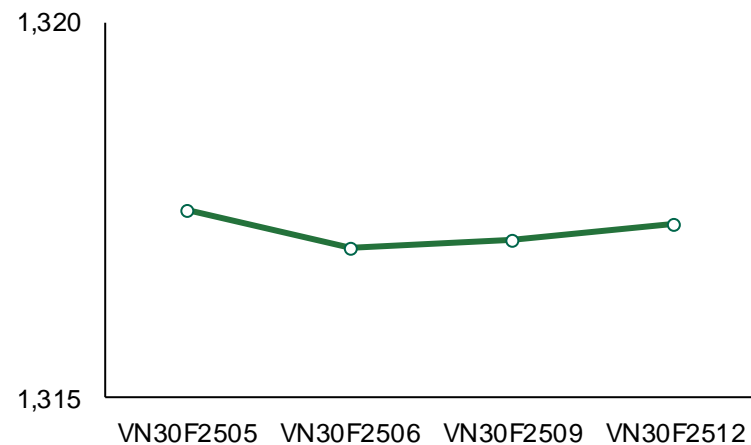
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



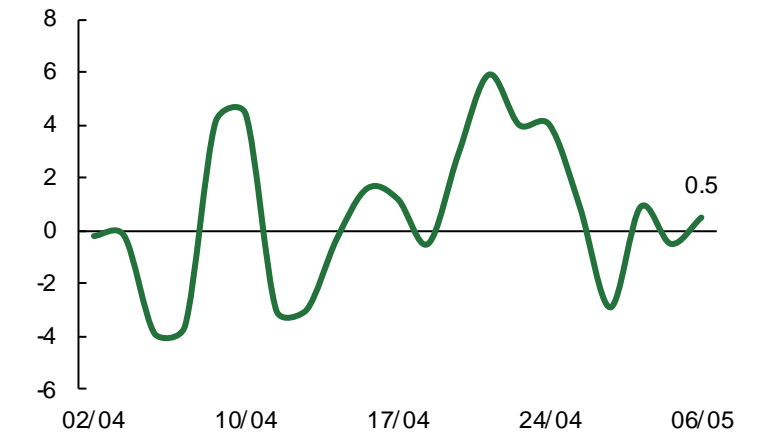
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
DGC	93,300	102,300	9.6%	Nắm giữ
MWG	60,500	66,700	10.2%	Tăng tỷ trọng
HHV	12,100	13,500	11.6%	Tăng tỷ trọng
TCM	29,300	48,200	64.5%	Mua
AST	64,000	65,800	2.8%	Nắm giữ
DGW	33,200	48,500	46.1%	Mua
DBD	50,600	68,000	34.4%	Mua
HAH	63,500	61,200	-3.6%	Giảm tỷ trọng
PNJ	73,600	111,700	51.8%	Mua
HPG	25,450	32,400	27.3%	Mua
DRI	11,400	15,100	32.5%	Mua
DPR	36,250	43,500	20.0%	Tăng tỷ trọng
VNM	56,900	72,500	27.4%	Mua
STB	38,850	38,800	-0.1%	Giảm tỷ trọng
ACB	24,000	31,900	32.9%	Mua
MBB	23,550	31,100	32.1%	Mua
MSB	11,250	13,600	20.9%	Mua
SHB	12,500	12,400	-0.8%	Giảm tỷ trọng
ICB	26,850	30,700	14.3%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
TPB	13,800	19,700	42.8%	Mua
VIB	17,500	22,900	30.9%	Mua
VPB	16,900	24,600	45.6%	Mua
CTG	37,600	42,500	13.0%	Tăng tỷ trọng
HDB	21,250	28,000	31.8%	Mua
VCB	57,000	69,900	22.6%	Mua
BID	34,950	41,300	18.2%	Tăng tỷ trọng
LPB	31,750	28,700	-9.6%	Giảm tỷ trọng
MSH	44,550	58,500	31.3%	Mua
IDC	36,700	72,000	96.2%	Mua
SZC	30,650	49,500	61.5%	Mua
BCM	56,000	80,000	42.9%	Mua
SIP	65,600	88,000	34.1%	Mua
IMP	43,500	41,800	-3.9%	Giảm tỷ trọng
VHC	51,700	83,900	62.3%	Mua
ANV	15,700	17,200	9.6%	Nắm giữ
EMC	36,700	50,300	37.1%	Mua
SAB	47,850	64,000	33.8%	Mua
VSC	23,050	18,200	-21.0%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 05/05 Việt Nam – Chỉ số PMI
Việt Nam – Hợp quốc hội
- 06/05 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế Vĩ mô tháng 04/2025
Mỹ & Trung Quốc – Chỉ số PMI
- 08/05 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
- 10/05 Trung Quốc – Dữ liệu CPI, PPI, Xuất nhập khẩu tháng 04/2025
- 13/05 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4
- 14/05 Việt Nam – Công bố danh mục MSCI
- 15/05 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4
EU – Dữ liệu vĩ mô tháng 04/2025
- 16/05 Trung Quốc – Dữ liệu vĩ mô 04/2025
- 30/05 Việt Nam – Quỹ ETF liên quan MSCI cơ cấu danh mục
Mỹ - Công bố số điều chỉnh GDP, Chỉ số Core PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 tháng cao thứ hai trong 5 năm trở lại đây: 4 tháng đầu năm nay, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của Việt nam tăng 8,4%, chỉ xếp sau mức 10% của cùng kỳ năm 2021. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,1%, đóng góp 8,5 điểm % vào mức tăng trưởng chung. So với cùng kỳ năm trước, IIP 4 tháng đầu năm nay tăng ở 62 địa phương, duy nhất tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 3,2%.

Xuất khẩu giảm tốc so với tháng trước, xuất siêu vẫn đạt 3,79 tỷ USD trong 4 tháng: Theo Cục Thống kê, Bộ Tài chính, trong tháng 4, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 74,32 tỷ USD, giảm 1,4% so với tháng trước (trong đó kim ngạch xuất khẩu giảm 2,8%) và tăng 21,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 276,89 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 3,79 tỷ USD. Về phân khúc thị trường, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt nam với 43,4 tỷ USD, trong khi Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với 53,2 tỷ USD.

Vốn FDI vào Việt Nam vẫn tăng gần 40%: Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, tính đến ngày 30/4, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam đạt 13,82 tỷ USD, tăng 39,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn thực hiện đạt 6,74 tỷ USD - cao nhất của bốn tháng trong 5 năm qua.

Tiền tệ châu Á tăng giá mạnh khi USD duy trì mức thấp: Các đồng tiền ở châu Á đang tăng giá chóng mặt khi đô la Mỹ suy yếu giữa lúc căng thẳng thương mại Mỹ - Trung có dấu hiệu hạ nhiệt và kỳ vọng về thỏa thuận thuế giữa Mỹ với một số nền kinh tế trong khu vực.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VHM - Vinhomes ghi nhận lãi tăng mạnh trong quý I/2025: Theo đó, tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 15.698 tỷ đồng, tăng 91% so với cùng kỳ (YoY). Doanh thu từ tài chính cũng tăng mạnh, đạt 4.640 tỷ đồng, gấp 2,4 lần so với quý 1/2024. Đà tăng trưởng này chủ yếu đến từ doanh thu của các hợp đồng hợp tác kinh doanh và các giao dịch bán lô lớn. Sau khi trừ các khoản chi phí và thuế, lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 2.652 tỷ đồng, tăng 193% so với quý 1/2024. Hoạt động bàn giao tại các dự án Vinhomes Royal Island và Vinhomes Ocean Park 2-3 tiếp tục là động lực chính đóng góp vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

GAS - Tiêu thụ tốt, PV GAS ghi nhận tăng trưởng quý 1/2025, gia tăng lượng tiền mặt: Trong quý 1, doanh thu của GAS đạt 25.7 ngàn tỷ đồng, tăng 10%. Giá vốn cũng tăng khoảng 10% nhưng sau khấu trừ, doanh nghiệp lãi gộp gần 4.1 ngàn tỷ đồng, tăng 11%. Sau các khoản chi phí, GAS lãi ròng gần 2.76 ngàn tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ. Ban lãnh đạo cho biết nguyên nhân chính do sản lượng tiêu thụ LPG (khí dầu mỏ hóa lỏng) tăng 9% và giá LNG (khí thiên nhiên hóa lỏng) tăng 53%. Tiềm lực tài chính vững mạnh với Lượng tiền và tiền gửi ngân hàng lên hơn 37.000 tỷ đồng, tăng gần 4.000 tỷ so với thời điểm đầu năm và chiếm hơn 45% tài sản. PV GAS cũng thu hồi hơn 3.000 tỷ đồng nợ xấu từ PV Power và Năng lượng Mê Kông.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801